## Supplemental Figure 6

Α

Rate of axon	No EF		200mV/mm + ToxinB		
growth (μm/hr)	0 ng/ml	1 ng/ml	0 ng/ml	1 ng/ml	10 ng/ml
Cathode	40.2 ( <u>+</u> 7.2)	44.3 ( <u>+</u> 8.2)	45.2 ( <u>+</u> 7.8)	43.2 ( <u>+</u> 3.4)	46.7 ( <u>+</u> 9.3)
Anode	37.7 ( <u>+</u> 7.1)	43.3 ( <u>+</u> 5.3)	42.7 ( <u>+</u> 4.2)	29.0 ( <u>+</u> 7.8)	43.6 ( <u>+</u> 4.8)
Perpendicular	39.1 ( <u>+</u> 13.5)	44.4 ( <u>+</u> 10.5)	39.8 ( <u>+</u> 6.6)	30.2 ( <u>+</u> 5.5)	43.1 ( <u>+</u> 3.1)
n experiment	3	3	6	3	3
n axons	121	154	271	173	122

В

Rate of axon growth (μm/hr)		ما المديدة من من	Cathode					
		_	No EF		200mV/mm			
		(111)	0 ng/ml	1 ng/ml	0 ng/ml	1 ng/ml	10 ng/ml	
Cathode	No EF	0 ng/ml	N/A		0.9996	>0.9999	0.9992	
		1 ng/ml	>0.9999	N/A	>0.9999	>0.9999	>0.9999	
	200mV/mm	0 ng/ml			N/A			
		1 ng/ml			>0.9999	N/A		
		10 ng/ml			>0.9999	>0.9999	N/A	

Rate of axon growth (µm/hr)		Anode					
		No EF		200mV/mm			
		0 ng/ml	1 ng/ml	0 ng/ml	1 ng/ml	10 ng/ml	
Anode	No EF	0 ng/ml	N/A		0.9996	0.9771	>0.9999
		1 ng/ml	0.9998	N/A	>0.9999	0.5594	>0.9999
	200mV/mm	0 ng/ml			N/A		
		1 ng/ml			0.3893	N/A	
		10 ng/ml			>0.9999	0.6284	N/A

Rate of axon growth		Perpendicular					
		No EF		200mV/mm			
	(μm/hr)		0 ng/ml	1 ng/ml	0 ng/ml	1 ng/ml	10 ng/ml
Perpendicular	No EF	0 ng/ml	N/A		>0.9999	0.9748	>0.9999
		1 ng/ml	0.9999	N/A	0.9999	0.5724	>0.9999
	200mV/mm	0 ng/ml			N/A		
		1 ng/ml			0.8753	N/A	
		10 ng/ml			>0.9999	0.8525	N/A

Figure S6: ToxinB does not affect rate of RGC axon growth. Explants were grown overnight in 1ng/ml or 10ng/ml of ToxinB, then exposed to an EF of 200 mV/mm. ToxinB was replenished 1 hour before initiating EF exposure. The effect of 1ng/ml and 10ng/ml of ToxinB on rate of axon growth was quantified and shown in (A). Number of experiments and total axons quantified are listed per condition. Error represent SD. (B) P-values for two-way analysis of variance performed on data in (A) with Tukey's multiple comparisons test.